TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60 /2024/HS-ST
Ngày: 18 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Bửu Khánh
2. Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2024/HSST ngày 24 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 369/2024/QĐXXST – HS ngày 23 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Danh N, sinh ngày: 05/01/1997 tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: ấp C, xã L, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; Số định danh cá nhân: 091097004745; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Khơmer; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: nam; Con ông Danh T và bà Thị T; Anh chị em ruột có 03 người, lớn nhất là bị cáo; Tiền án, tiền sự: Chưa; Nhân T1: không tốt; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/7/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Danh T, sinh ngày: 09/10/1988 tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: ấp Cỏ K, xã L, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; Số định danh cá nhân: 091088019595; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Khơmer; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: nam; Con ông Danh Q và bà Thị T (chết); Anh chị em ruột có 03 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1990; Có vợ tên Nguyễn Thị Kim H; Con có 03 người, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Chưa; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và cấm xuất cảnh từ ngày 13/3/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Bị hại: Anh Lê Hồng T1, sinh năm: 1982; Địa chỉ: ấp X, xã L, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Thị Q, sinh năm: 1996; Địa chỉ: ấp S, xã N, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 05/01/2024, Danh N đến nhà Danh T ngụ cùng ấp C, xã L, huyện Giồng Riềng chơi. Tại đây, T nói với Danh N là không có xe làm phương tiện đi lại nên T rủ N tìm kiếm xe của người khác để lấy về làm phương tiện đi lại, N đồng ý. Khoảng 11 giờ cùng ngày, Danh N đi lấy căn cước công dân ở xã về thì gặp Thị Q (là bạn của N) đang chạy xe mô tô nhãn hiệu Atila, biển kiểm soát 68V6-4765 về nhà mẹ chồng ở ấp C, xã L nên N rủ Q đến nhà T chơi, Q đồng ý. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T hỏi mượn xe của Q với lý do là chở N đi công chuyện một chút rồi về trả, Q đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe chở N đi tìm xe của người khác để lấy trộm. Khi T điều khiển xe đến đoạn đường lộ nông thôn, giáp với ruộng lúa thuộc ấp X, xã L, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang thì phát hiện một xe mô tô nhãn hiệu BOSS, biển kiểm soát 60C1-174.86 của anh Lê Hồng T1 còn gắn chìa khoá trên xe để cặp lề lộ, không có người trông coi nên T dừng xe lại để N lén lút xuống lấy trộm xe chạy đi thì anh T1 và vợ là chị Nguyễn Ngọc P đang dặm lúa (cách nơi để xe khoảng 100 mét) phát hiện truy hô cùng với người dân gần đó rượt đuổi và truy bắt được Danh T giao cho cơ quan Công an, còn Danh N thì chạy thoát, được một đoạn thì N bỏ xe vừa trộm được vào bụi cỏ bên lề đường được người dân đem về giao nộp lại cho chính quyền địa phương. Tài sản bị chiếm đoạt được định giá có giá là 2.520.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 05/TĐG-CT/HĐĐG ngày 29/01/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự về định giá tài sản kết luận:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu BOSS, biển kiểm soát 60C1-174.86, màu nâu -trắng, số máy: VMSB8A-H042465, số khung: RLGSB10AHBH042465, xe đã qua sử dụng.

Theo giá thị trường thời điểm hiện tại, tỷ lệ còn lại là: 30%

8.400.000 đồng x 30% = 2.520.000 đồng

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Danh T về hành vi trộm cắp tài sản cho đến nay. Riêng Danh N bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 01/7/2024 thì Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng bắt được Danh N và ra lệnh tạm giam đối với Danh N để điều tra cho đến nay.

Vật chứng trong vụ án thu giữ được :

- 01 (một) xe mô tô mang nhãn hiệu Attila, màu đen, biển đăng ký: 68V6-4765, số máy: VMVT3BD004500, số khung: RLGKA12DD8D004500, xe đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu BOSS, biển đăng ký 60C1-174.86, màu nâu -trắng, số máy: VMSB8A-H042465, số khung: RLGSB10AHBH042465, xe đã qua sử dụng.

- 01 (một) cây dao bằng kim loại, màu bạc, dài 16cm, phần cán dài 09cm, phần lưỡi dài 7cm, rộng 1,5cm, đã qua sử dụng.

Ngày 14/3/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng đã trao trả:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu BOSS, biển đăng ký 60C1-174.86, màu nâu - trắng, số máy: VMSB8A-H042465, số khung: RLGSB10AHBH042465, xe đã qua sử dụng cho anh Lê Hồng T1 là chủ sỡ hữu.

- 01 (một) xe mô tô mang nhãn hiệu Attila, màu đen, biển đăng ký: 68V6-4765, số máy: VMVT3BD004500, số khung: RLGKA12DD8D004500, xe đã qua sử dụng cho chị Thị Q là chủ sở hữu.

Tại bản cáo trạng số 51/CT- VKS ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị can Danh N, Danh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Danh N, Danh T về tội Trộm cắp tài sản. Đồng thời kiểm sát viên luận tội căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân T1 của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, h, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Danh N từ 04 đến 05 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, h, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Danh T từ 04 đến 05 tháng tù.

-Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) cây dao bằng kim loại, màu bạc, dài 16cm, phần cán dài 09cm, phần lưỡi dài 7cm, rộng 1,5cm, đã qua sử dụng.

Ghi nhận ngày 14/3/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng đã trao trả: một xe mô tô nhãn hiệu BOSS, biển đăng ký 60C1-174.86, màu nâu - trắng, số máy: VMSB8A-H042465, số khung: RLGSB10AHBH042465, xe đã qua sử dụng cho anh Lê Hồng T1 là chủ sỡ hữu; một xe mô tô mang nhãn hiệu Attila, màu đen, biển đăng ký: 68V6-4765, số máy: VMVT3BD004500, số khung: RLGKA12DD8D004500, xe đã qua sử dụng cho chị Thị Q là chủ sở hữu do việc chị Q cho mượn xe nhưng không biết các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

-Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại anh Lê Hồng T1 xác định đã nhận lại tài sản đã mất và không yêu cầu bồi thường thiệt hại thêm nên đề nghị không xem xét.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng; Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Danh T và Danh N khai nhận như sau: Vào khoảng 14 giờ ngày 05/01/2024, các bị cáo rủ nhau đi tìm tài sản là xe mô tô để lấy làm phương tiện đi làm và đã lén lút lấy trộm một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Boss, BS 60C1-174.86 của anh Lê Hồng T1 để bên đường lộ thuộc ấp X, xã L, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Hành vi của các bị cáo đã bị phát hiện và bắt quả tang cùng tang vật. Tài sản bị thiệt hại được định giá là 2.520.000 đồng.

Đối chiếu hành vi của các bị cáo Danh T và Danh N với quy định của Bộ luật Hình sự đã đủ căn cứ kết luận: Các bị cáo Danh T và Danh N phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang truy tố các bị cáo về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Các bị cáo Danh T, Danh N là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo không nghề nghiệp, chỉ vì muốn có tài sản để sử dụng mà không cần phải lao động cực khổ kiếm tiền mà các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, thiếu sự quản lý tài sản của bị hại để ra tay trộm cắp. Hành vi của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương và gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân về việc quản lý tài sản. Các bị cáo cũng nhận thức được tài sản hợp pháp của người khác là bất khả xâm phạm, được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại đều bị nghiêm trị nhưng các bị cáo bất chấp pháp luật, lao vào con đường phạm tội. Hành vi trên của các bị cáo cần phải được nghiêm trị, cần thiết xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội nhằm đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung nhưng cũng thể hiện tính khoản hồng của Đảng và Nhà nước.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên Tòa các bị cáo đã có thái độ khai báo thành khẩn, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, phạm tội lần đầu thuộc T hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, h, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho các bị cáo khi lượng hình.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.3] Về nhân thân các bị cáo: Bị cáo Danh N đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính nên nhân thân không tốt. Riêng bị cáo Danh T có nhân thân tốt.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nhưng xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

[5] Đối với Thị Q cho các bị cáo mượn xe nhưng không biết việc các bị cáo mượn xe để lấy trộm tài sản nên cần giao cho địa phương giáo dục là đủ nghiêm.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Hồng T1 xác định đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 01 cây dao bằng kim loại, màu bạc dài 16 cm, phần cán dài 09 cm, phần lưỡi dài 7 cm, rộng 1,5 cm đã qua sử dụng.

(*Theo Quyết định chuyển vật chứng số 33/QĐ-VKS ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng)*

Đối với chiếc xe môtô, nhãn hiệu BOSS, biển số 60C1-174.86,màu nâu trắng số máy VMSB8A-H042465, số khung RLGSB10AHBH042465 chủ sở hữu là anh Lê Hồng T1 và 01 xe mô tô mang nhãn hiệu Atila, màu đen, biển số 68V6-4765, số máy VMVT3BD004500, số khung RLGKA12DD8D004500 đã được Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Giồng Riềng trao trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Danh T và Danh N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 47, Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 260, khoản 01 Điều 268, khoản 1 Điều 269, Điều 299, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Danh T, Danh N phạm tội "Trộm cắp tài sản"

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, h, i khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Bị cáo Danh T 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, h, i khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Bị cáo Danh N 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 01/7/2024.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng**:** Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 cây dao bằng kim loại, màu bạc dài 16 cm, phần cán dài 09 cm, phần lưỡi dài 7 cm, rộng 1,5 cm đã qua sử dụng.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 33/QĐ-VKS ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng)

4. Về trách nhiệm dân sự**:** bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Danh T, Danh N mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng)

Báo cho các bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày; những người có mặt được tính kể từ kể từ ngày tuyên án những người vắng mặt được tính từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Nhà tạm giữ CA huyện GR;
- Cơ quan CS điều tra;
- Chi cục Thi hành án DS huyện;
- UBND xã;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cẩm Hương